TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **715**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

Căn cứ Điều 149, Điều 212, Điều 213; Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Điều 4, Điều 35, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 935/2026/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Bà Chu Thị Q**, sinh năm 1975; Căn cước số 034175012633; Đăng ký thường trú: Số A ngõ A H, phường Ô, Hà Nội.

- **Ông Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975; Căn cước số 034075007803; Đăng ký thường trú: Số A ngõ A H, phường Ô, Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tình cảm: Bà Chu Thị Q và ông Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/3/2016 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận C (nay là phường N), Hà Nội; Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2016.

Quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách, vợ chồng không cảm thông, thấu hiểu cho nhau nên hôn nhân không hạnh phúc.

Bà Q, ông T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Con chung: Bà Q và ông T xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Gia B; giới tính: nam; sinh ngày 19/01/2012; Bà Q, ông T thống nhất: Ly hôn, bà Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Tài sản chung (động sản, bất động sản): Bà Q và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Bà Q và ông T xác nhận không có.

[5] Lệ phí: Bà Q và ông T thống nhất để bà Q chịu toàn bộ lệ phí ly hôn. Bà Q tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (từ chối nhận lại 150.000 đồng).

Xét thấy: Sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về nội dung hòa giải đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa **bà Chu Thị Q và ông Nguyễn Văn T**.

2. Con chung: Xác nhận bà Q và ông T có 01 con chung là Nguyễn Gia B; giới tính: nam; sinh ngày 19/01/2012; Giao bà Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Việc cấp dưỡng nuôi con chung ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung (động sản và bất động sản): Bà Q và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Nợ chung: Bà Q, ông T đều xác nhận không có, nên không xét.

5. Lệ phí: Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự để bà Q chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm; Bà Q tự nguyện chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001336 ngày 15/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 2 - Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS/VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thu Hà

TAND KHU VỰC 2
2NG290726.TLQDBA
2894